

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 33/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 04-7-2019

V/v: Ly hôn giữa bà Ng và ông H

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hoài Thu.

2. Bà Nguyễn Thị Văn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Hoàng - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 04 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 98/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2019, về tranh chấp "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đào Thị Bích Ng, sinh năm: 1979.

Địa chỉ: Số nhà 64 đường Bạch Đ, xã Lộc C, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Nơi cư trú hiện nay: Số nhà 163L đường Bùi Thị X, phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông Phạm Minh H, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Số nhà 64 đường Bạch Đ, xã Lộc C, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

(Tại phiên tòa bà Ng có mặt; ông H vắng mặt và có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đào Thị Bích Ng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Minh H có đăng ký kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã Lộc C, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 18/6/1997. Trước khi kết hôn bà và ông H có thời gian tìm hiểu 02 năm.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông H không lo làm ăn, thường xuyên uống rượu, say xỉn rồi về nhà chửi mắng, xúc phạm bà dẫn đến vợ chồng bất hòa không có hạnh phúc. Mặc dù gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được. Tuy sống trong cùng một nhà nhưng bà và ông H mạnh ai nấy sống không còn tình cảm gì với nhau. Từ đầu tháng 5 năm 2019 cho đến nay bà đã chuyển đi nơi khác sinh sống. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông H, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung. Con tên Phạm Hằng Ng, sinh ngày 06/7/1999 đã trên 18 tuổi không yêu cầu Tòa án giải quyết; con tên Phạm Thùy T, sinh ngày 07/01/2002 hiện nay đang sống cùng ông H và có nguyện vọng được sống với bố nên bà đồng ý giao con chung Phạm Thùy T cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung bà và ông H tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà khai không có.

Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phạm Minh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Đào Thị Bích Ng chung sống và đăng ký kết hôn như bà Ng trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường cho đến giữa năm 2018 thì mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bà Ng thường xuyên đi chơi, quan hệ bạn bè bên ngoài không quan tâm chăm lo cho chồng con. Bản thân ông đôi lúc cũng có uống rượu, trong lúc bức tức nóng giận ông có chửi mắng xúc phạm bà Ng. Từ tháng 03 năm 2019 cho đến nay bà Ng chuyển ra ngoài sinh sống, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm thăm hỏi gì nhau. Nay bà Ng cương quyết ly hôn thì ông cũng không còn tình cảm gì với bà Ng nhưng do ông theo đạo Thiên chúa giáo nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có con chung tên Phạm Hằng Ng, sinh ngày 06/7/1999 đã trên 18 tuổi không yêu cầu Tòa án giải quyết; con chung tên Phạm Thùy T, sinh ngày 07/01/2002 hiện nay đang sống cùng với ông nên ông xin được nuôi con và không yêu cầu bà Ng cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Ông và bà Ng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông H khai không có.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố B tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự qui định.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đào Thị Bích Ng đối với ông Phạm Minh H; về con chung: giao con chung Phạm Thùy T, sinh ngày 07/01/2002 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không yêu cầu bà Ng cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung: Bà Ng và ông H không yêu cầu giải quyết; về nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét; về án phí: Bà Ng phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa, Bị đơn ông Phạm Minh H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án theo qui định pháp luật.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà Đào Thị Bích Ng và ông Phạm Minh H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống bà Ng và ông H có mâu thuẫn thường xuyên cãi vã làm cho tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, do đó cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Tại phiên tòa bà Ng vẫn kiên quyết xin được ly hôn vì không còn tình cảm gì với ông H. Qua xác minh tại chính quyền địa phương, người thân cho thấy vợ chồng bà Ng ông H thường xảy ra cãi vã do mâu thuẫn trong chuyện tình cảm, bà Ng và ông H đã có thời gian sống ly thân. Phía ông H cũng thừa nhận không còn tình cảm gì với bà Ng nhưng vì bản thân ông theo đạo Thiên chúa giáo nên ông không đồng ý ly hôn. Như vậy, tình trạng hôn nhân của bà Ng và ông H đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Ng là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Con chung tên Phạm Hằng Ng, sinh ngày 06/7/1999 đã trên 18 tuổi không yêu cầu Tòa án giải quyết; Đối với con chung tên Phạm Thùy T, sinh ngày 07/01/2002 hiện nay đang sống cùng với ông H và có nguyện vọng được

sống với bố nên bà Ng đồng ý giao cháu Tiên cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, ông H không yêu cầu bà Ng cấp dưỡng nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung: Ông H và bà Ng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Ông H và bà Ng đều khai không có, trong quá trình giải quyết vụ án không có ai tranh chấp gì nên không xem xét giải quyết.

[6]. Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Bà Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Đào Thị Bích Ng và ông Phạm Minh H.
2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Thùy T, sinh ngày 07/01/2002 cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không yêu cầu bà Ng cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn và thay đổi nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung: Ông H và bà Ng tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.
4. Về nợ chung: Ông H và bà Ng đều khai không có.
5. Về án phí: Bà Đào Thị Bích Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0005289 ngày 21/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà Ng đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án phúc thẩm giải quyết. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án

được niêm yết theo qui định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- + Các đương sự;
- + VKSND thành phố B;
- + T.H.A thành phố B;
- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + UBND xã Lộc C, thành phố B;
- + Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Hiền